



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

24/UBCK-GP
40/GPĐC-UBCK

Ngày 28 tháng 12 năm 2007
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các giấy phép Thành lập và Hoạt động được Ủy ban Chứng Khoán
Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch
Ông Ho, Feng - Tao	Thành viên
Ông Wu, Jin - Jeng	Thành viên
Ông Chen, Shen - Yaw	Thành viên
Ông Chen, Chi - Chung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ho, Feng - Tao	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Trụ sở đăng ký

Tầng 2, Tòa nhà Lawrence S.Ting
801 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

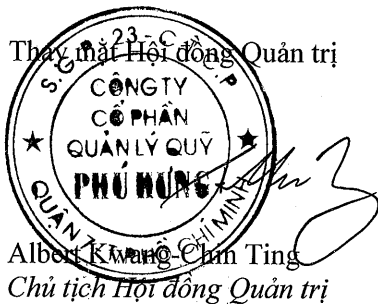
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 24 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Albert Kwong Chan Ting
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 4 đến trang 24. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này là trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

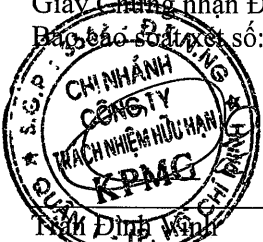
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 14-01-286



Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a-CTQ

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		26.598.461.728	27.316.873.512
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.832.540.458	10.300.350.038
Tiền	111		21.247.500	89.699.520
Các khoản tương đương tiền	112		4.811.292.958	10.210.650.518
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.500.000.000	17.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	5	21.500.000.000	17.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		263.639.562	551.500
Các khoản phải thu khác	135	6	263.639.562	551.500
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.281.708	15.971.974
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.281.708	15.971.974
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		318.101.097	393.101.097
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	7	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		397.464.302	397.464.302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(397.464.302)	(397.464.302)
Tài sản dài hạn khác	260		318.101.097	393.101.097
Tài sản dài hạn khác	268	8	318.101.097	393.101.097
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		26.916.562.825	27.709.974.609

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a-CTQ

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		103.247.236	335.189.646
Nợ ngắn hạn	310		103.247.236	335.189.646
Phải trả người bán	312		2.992.000	233.992.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	14.652.986	29.922.896
Phải trả người lao động	315		85.602.250	71.274.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		26.813.315.589	27.374.784.963
Vốn chủ sở hữu	410		26.813.315.589	27.374.784.963
Vốn cổ phần	411	10	39.000.000.000	39.000.000.000
Lỗi lũy kế	420		(12.186.684.411)	(11.625.215.037)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		26.916.562.825	27.709.974.609

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ			
▪ USD	005	106	135.826

Ngày 8 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Minh

Phạm Tuấn Minh
Kế toán viên

Người soát xét:

[Signature]

Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Albert Kwang-Chin Ting
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02a-CTQ

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	11	1.036.374.888	570.054.929
Chi phí tài chính	22	12	83.013.123	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13	1.514.831.139	2.006.274.642
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 25)	30		(561.469.374)	(1.436.219.713)
Lỗ trước thuế (50 = 30)	50		(561.469.374)	(1.436.219.713)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	14	-	-
Lỗ thuần sau thuế (60 = 50 - 51- 52)	60		(561.469.374)	(1.436.219.713)

Ngày 8 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Manz

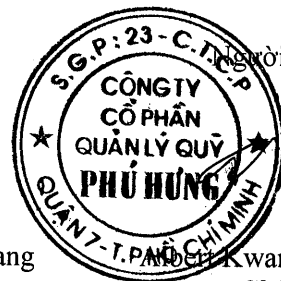
Phạm Tuấn Minh
Kế toán viên

Người soát xét:

[Signature]

Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



[Signature]
Kwang-Chin Ting
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(Phương pháp trực tiếp)**

Mẫu B 03a-CTQ

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền chi trả cho người lao động	03	(702.102.308)	(572.358.163)
Tiền chi nộp thuế cho Nhà nước	05	(62.558.801)	(80.431.908)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(979.139.797)	(1.298.780.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.743.800.906)	(1.951.570.272)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và mua các công cụ nợ	23	(11.000.000.000)	(8.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	6.500.000.000	-
Tiền thu từ cổ tức và lãi	27	775.991.326	570.054.929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.724.008.674)	(7.429.945.071)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	(5.467.809.580)	(9.381.515.343)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	10.300.350.038	15.848.627.991
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	4.832.540.458	6.467.112.648

Ngày 8 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Phạm Tuấn Minh
Kế toán viên

Người soát xét:

Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Albert Kwang-Chin Ting
Chủ tịch

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a-CTQ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (“Công ty”) được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007. Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư tại Việt Nam và nước ngoài để thực hiện các hoạt động đầu tư tại Việt Nam; nhận các quỹ ủy thác đầu tư và quản lý các danh mục đầu tư; và cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp trong lĩnh vực tái cơ cấu tài chính, sáp nhập và mua lại, hợp nhất và phân chia các công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 11 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 11 nhân viên), trong đó những nhân viên sau có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp:

- Ông Nguyễn Nam Trung;
- Ông Nguyễn Đình Đại;
- Ông Lương Tôn Phiệt;
- Bà Hồ Thúy Ái;
- Ông Nguyễn Hoài Sơn;
- Bà Nguyễn Thị Lan; và
- Ông Ho, Feng - Tao.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27- *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá. Dự phòng được hoàn nhập nếu giá trị có thể thu hồi tăng lên sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

(e) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(f) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận, nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám Đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám Đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(j) Doanh thu

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(k) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(l) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp để kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu họ có chung sự kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể chung.

(m) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kê toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ nếu không được thể hiện trên các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	21.247.500	89.699.520
Tiền gửi ngân hàng	4.811.292.958	10.210.650.518
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>4.832.540.458</u>	<u>10.300.350.038</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
▪ Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn 12 tháng	11	11.000.000.000	-	-
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng	-	10.500.000.000	-	17.000.000.000
	-	21.500.000.000	-	17.000.000.000

6. Các khoản phải thu khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Lãi phải thu	260.383.562	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.256.000	551.500
	263.639.562	551.500

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Giai đoạn sáu tháng	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm/cuối năm	397.464.302	397.464.302
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm/cuối năm	397.464.302	397.464.302
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm/cuối năm	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

8. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác phản ánh khoản tiền ký quỹ cho các hợp đồng thuê văn phòng.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	14.652.986	29.922.896

10. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	3.900.000	39.000.000.000	3.900.000	39.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000	3.900.000	39.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000	3.900.000	39.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

11. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Thu nhập lãi từ		
▪ Trái phiếu	260.383.562	-
▪ Tiền gửi ngân hàng	775.991.326	570.054.929
	<u>1.036.374.888</u>	<u>570.054.929</u>

12. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	679.790	-
Chi phí khác	82.333.333	-
	<u>83.013.123</u>	<u>-</u>

13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí tiền lương và các chi phí liên quan khác	713.725.308	742.986.360
Chi phí dịch vụ thuê ngoài khác	621.695.786	1.141.502.071
Chi phí khác	179.410.045	121.786.211
	<u>1.514.831.139</u>	<u>2.006.274.642</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lỗ trước thuế	(561.469.374)	(1.436.219.713)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(112.293.875)	(359.054.928)
Chi phí không được khấu trừ thuế	17.850.418	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	94.443.457	359.054.928
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	2.854.888.015	570.977.603	2.382.670.733	476.534.147

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ thuế chưa sử dụng bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được giảm từ 22% xuống 20% áp dụng cho các doanh nghiệp có doanh thu hàng năm không quá 20 tỷ VND theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

15. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	4.811.292.958	10.210.650.518
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn (i)	10.500.000.000	17.000.000.000
Đầu tư vào chứng khoán nợ (ii)	11.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	263.639.562	-
	<hr/>	<hr/>
	26.574.932.520	27.210.650.518

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Đầu tư vào chứng khoán nợ

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro tín dụng thấp theo đánh giá của Hội đồng Quản trị. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các trái phiếu này và không cho rằng các khoản đầu tư trái phiếu này gây tổn thất cho Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	2.992.000	2.992.000	2.992.000
Phải trả người lao động	85.602.250	85.602.250	85.602.250
	88.594.250	88.594.250	88.594.250

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	233.992.000	233.992.000	233.992.000
Phải trả người lao động	71.274.750	71.274.750	71.274.750
	305.266.750	305.266.750	305.266.750

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu vì Công ty không có trạng thái tiền tệ trọng yếu đối với tiền tệ khác VND.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	4.811.292.958	10.210.650.518
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn	10.500.000.000	17.000.000.000
Đầu tư vào chứng khoán nợ	11.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
4.832.540.458	4.832.540.458	4.832.540.458	10.300.350.038	10.300.350.038
10.500.000.000	10.500.000.000	10.500.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
11.000.000.000	11.000.000.000	(*)	-	-
263.639.562	263.639.562	(*)	551.500	(*)
318.101.097	318.101.097	(*)	393.101.097	(*)

Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:

- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn
- Các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ
- Các khoản phải thu khác
- Các tài sản dài hạn khác

Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

- Phải trả người bán
- Phải trả người lao động

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữ niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

16. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	207.491.917	283.255.000

17. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Các hoạt động của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

(a) Thưởng cho nhân viên

Công ty chưa ghi nhận các khoản tiền thưởng cuối năm vì khoản tiền thưởng này không thể ước tính một cách đáng tin cậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

(b) Thuế

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 20% đối với lỗ trước thuế giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-CTQ

18. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	31/12/2013 (đã điều chỉnh lại) VND	31/12/2013 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu nội bộ	-	551.500
Các khoản phải thu khác	551.500	-

Ngày 8 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Minh

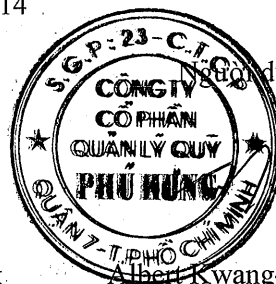
Phạm Tuấn Minh
Kế toán viên

Người soát xét:

[Signature]

Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Albert Kwang-Chin Ting
Chủ tịch

